

Những đóng góp phát triển ngôn ngữ báo chí thông qua Nam Phong tạp chí của Phạm Quỳnh

Ngày nhận bài: 29/04/2026 | Ngày phản biện: 14/05/2026 | Ngày xuất bản: 04/06/2026

Tác giả: Lương Thị Phương Diệp (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Phạm Quỳnh (1892–1945) là nhân vật tiên phong, có đóng góp nền móng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại đầu thế kỷ XX. Qua Nam Phong tạp chí, ông đã biến tiếng Việt thành công cụ diễn đạt tư tưởng, văn hóa, chính trị sắc bén, góp phần chuẩn hóa văn xuôi quốc ngữ và nâng cao vị thế của tiếng Việt thay cho chữ Hán, tiếng Pháp. Kết quả khảo sát cho thấy những đóng góp của ông thể hiện trên ba phương diện: (1) Tân tạo hệ thống thuật ngữ chính trị – xã hội Hán – Việt và Việt hóa các khái niệm triết học Tây phương; (2) Cách tân cú pháp qua việc phá vỡ lối văn biền ngẫu, thiết lập cấu trúc câu phức tầng và hệ thống hư từ logic kiểu châu Âu; (3) Định hình các thể loại báo chí hiện đại như luận thuyết, phê bình, dịch thuật học thuật và du ký.

1. Đặt vấn đề

Đầu thế kỷ XX là giai đoạn chuyển mình mang tính bước ngoặt của lịch sử văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam. Sự suy tàn của ý thức hệ Nho giáo kéo theo sự thoái trào của chữ Hán, chữ Nôm. Đồng thời, sự thâm nhập mạnh mẽ của văn hóa phương Tây qua tiếng Pháp đã đặt ra một thách thức lớn: làm thế nào để duy trì bản sắc dân tộc trong bối cảnh thuộc địa. Trong bối cảnh đó, chữ Quốc ngữ với ưu thế dễ học, dễ phổ biến đã được lựa chọn để trở thành công cụ canh tân xứ sở. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu, chữ Quốc ngữ chủ yếu mới chỉ đáp ứng được nhu cầu thông tin đại chúng giản đơn; hệ thống từ vựng, cú pháp và đặc biệt là ngôn ngữ chính luận còn hết sức nghèo nàn, sơ khai. Nhiệm vụ hiện đại hóa tiếng Việt, nâng tầm ngôn ngữ này thành một công cụ tư duy, học thuật sắc bén là một đòi hỏi cấp thiết của lịch sử.

Trong hành trình đó, Nam Phong tạp chí (1917-1934) nổi lên như một diễn đàn học thuật quy mô nhất, và Chủ bút Phạm Quỳnh chính là người lĩnh ấn tiên phong. Với tư duy của một trí thức Tây học sâu sắc kết hợp với nền tảng Đông học vững vàng, Phạm Quỳnh đã biến tờ báo trở thành một “trường học” chuẩn hóa văn xuôi tiếng Việt. Việc nghiên cứu ngôn ngữ báo chí của ông góp phần làm sáng tỏ quy luật vận động và phát triển của ngôn ngữ báo chí nước nhà.

Nghiên cứu góp phần hệ thống hóa một cách khoa học, đa chiều về đóng góp của Phạm Quỳnh trên ba phương diện: (1) Tạo hệ thống thuật ngữ chính trị - xã hội Hán - Việt và Việt hóa các khái niệm triết học Tây phương; (2) Cách tân cú pháp qua việc phá vỡ lối văn biền ngẫu, thiết lập cấu trúc câu phức tầng và hệ thống hư từ logic kiểu châu Âu; (3) Định hình các thể loại báo chí hiện đại như luận thuyết, phê bình, dịch thuật học thuật và du ký. Dù còn một số hạn chế mang tính thời đại nhưng không thể phủ nhận di sản thực hành ngôn ngữ của Phạm Quỳnh trên Nam Phong tạp chí đã tạo ra bước đệm quyết định cho sự phát triển của ngôn ngữ báo chí và khoa học đương đại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các tác phẩm trên Nam Phong tạp chí do chính Phạm Quỳnh khởi thảo trong phạm vi khảo sát trực tiếp trên hệ thống các số phát hành của Nam Phong tạp chí từ năm 1917 đến năm 1934. Mục đích nghiên cứu là nhìn nhận những đóng góp mang tính nền tảng của Phạm Quỳnh trong việc chuẩn hóa, hiện đại hóa ngôn ngữ báo chí tiếng Việt; hệ thống hóa các phương thức tân tạo từ vựng, phân tích cấu trúc cú pháp mới và cách thức định hình các thể loại báo chí hiện đại trên Nam Phong tạp chí.

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, bài viết sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu tư liệu: Nghiên cứu tiến hành thu thập, phân loại và xử lý nguồn tư liệu sơ cấp là các văn bản gốc của Phạm Quỳnh trên Nam Phong tạp chí giai đoạn 1917 - 1934. Đồng thời, nghiên cứu kế thừa có chọn lọc các nguồn tư liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu của các học giả uy tín nhằm bảo đảm tính khách quan, hệ thống và giá trị học thuật của các luận điểm được đề xuất.

- Phương pháp lịch sử - logic: Xem xét các đóng góp của Phạm Quỳnh đặt trong tiến trình phát triển của lịch sử văn hóa, báo chí đầu thế kỷ XX để đảm bảo tính khách quan.

- Phương pháp phân tích văn bản: Phân tích các bài viết cụ thể của Phạm Quỳnh trên Nam Phong để chỉ ra cấu trúc câu, cách dùng thuật ngữ và giọng điệu đặc trưng của tác giả.

- Phương pháp thống kê - phân loại: nhằm định lượng các thuật ngữ chính trị, triết học do ông Việt hóa.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả

3.1.1. Không gian ngôn ngữ báo chí đầu thế kỷ XX và tôn chỉ của Nam Phong tạp chí

Để đánh giá đúng mức những đóng góp của Phạm Quỳnh, cần đặt ngôn ngữ báo chí vào hệ tọa độ lịch sử những năm đầu thế kỷ XX. Trước khi Nam Phong tạp chí ra đời năm 1917, báo chí chữ Quốc ngữ tại Việt Nam đã có nửa thế kỷ hình thành và phát triển, khởi đầu từ Gia Định báo (1865) ở Nam Kỳ, cho đến Đông Dương tạp chí (1913) ở Bắc Kỳ (Nguyễn Văn Trung, 1992). Ở chặng đầu, tiếng Việt trên báo chí mang đậm tính chất khẩu ngữ, mộc mạc, chủ yếu phục vụ việc biên chép sự vụ hành chính hoặc diễn giải truyện dân gian. Hệ thống từ vựng thời kỳ này dư dả từ ngữ để mô tả đời sống sinh hoạt, nông nghiệp bình dân nhưng lại gần như trống rỗng trước các khái niệm triết học, khoa học, chính trị, tâm lý học trừu tượng của thế giới. Nếu không có thuật ngữ, chữ Quốc ngữ không thể trở thành ngôn ngữ giáo dục và khoa học (Thanh Lăng, 1967). Đến giai đoạn Đông Dương tạp chí, dù văn xuôi Quốc ngữ đã có bước tiến dài nhờ công lao của Nguyễn Văn Vĩnh, song ngôn ngữ trên báo chí vẫn vẫn bộc lộ những giới hạn. Các cây bút đương thời đứng trước hai thái cực cực đoan: hoặc rập khuôn máy móc lối văn biền ngẫu, ước lệ, đối xứng rườm rà của chương cú Nho học; hoặc dịch thuật thô sơ, "bè dôi" câu chữ tiếng Pháp khiến câu văn Quốc ngữ trở nên ngô nghê, dị dạng và rời rạc (Vũ Ngọc Phan, 1942).

Trong bối cảnh đó, Nam Phong tạp chí xuất hiện vào tháng 7 năm 1917 theo một chiến lược văn hóa được hoạch định rõ ràng: "Phạm Quỳnh đã biến Nam Phong thành một trường thực nghiệm khổng lồ cho chữ Quốc ngữ. Thông qua việc dịch thuật và biên khảo liên tục, ông đã bồi đắp cho tiếng Việt một kho tàng từ vựng chính trị, xã hội phong phú, biến thứ chữ vốn bị coi là "nôm na" thành một ngôn ngữ bác học đủ tư cách đối thoại với thế giới" (Phạm Thị Ngoạn, 1993, tr.118). Các tác giả trên Nam Phong tiếp tục nghiên cứu, biên soạn từ điển, dịch nhiều tác phẩm nước ngoài ra chữ Quốc ngữ, nhất là mạnh dạn đề nghị việc sử dụng chữ Quốc ngữ trong công văn giấy tờ và đưa chữ Quốc ngữ vào giảng dạy trong trường học. Nam Phong tạp chí còn có công lớn trong việc xây dựng và hệ thống hoá, chuẩn hoá kho từ vựng, bổ sung các thuật ngữ khoa học, kỹ thuật hiện đại (Lê Văn Phong, 2012).

Phạm Quỳnh (1917) đã thẳng thắn bày tỏ ý đồ chiến lược của mình ngay từ số đầu tiên ra mắt: "Cái mục-đích của bản-báo là muốn gây lấy một nền học mới để thay vào cái nho-học cũ, cùng đề-xướng lên một cái tư-trào mới hợp với thời-thế cùng trình-độ dân ta...Bản-báo muốn luyện-tập cho tiếng nước nhà thành ra một thứ tiếng phổ-thông, có thể diễn-dịch được các lý-thuyết khoa-học, các tư-tưởng triết-học phức-tạp, khiến cho quốc-dân ta có một cái nền học-vấn vững-vàng..." (Mấy lời nói đầu, Nam Phong tạp chí số 1, 1917).

Chiến lược bồi đắp văn hóa học thuật của ông được thực hiện bằng một phương pháp luận cực kỳ nhất quán: muốn nâng cao dân trí thì phải nâng tầm ngôn từ đại chúng. Phân tích khía cạnh này, Trần Đình Hượu (1995, tr. 273) chỉ ra rằng ở Phạm Quỳnh, tinh thần yêu nước và chủ nghĩa quốc gia được biểu hiện một cách đặc biệt qua thái độ trân trọng cùng ý thức xây dựng tiếng nói dân tộc. Ông nhìn nhận tiếng Việt như một công cụ cốt lõi để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trước làn sóng đồng hóa của chính sách thực dân.

Trải qua 17 năm thực nghiệm liên tục (1917 - 1934) với 211 số báo (gồm cả số Tết 1918), trong quá trình hoàn thiện chữ quốc ngữ, Nam Phong đã góp phần "làm giàu thêm ngôn ngữ nước nhà bằng cách đặt nhiều danh từ mới có liên quan đến triết học, khoa học bằng cách mượn chữ Hán làm hoàn hảo tiếng Việt trong dịch thuật và diễn tả những tư tưởng và học thuyết triết học" (Huỳnh Văn Tòng.1973,tr.97). Quan trọng hơn, những con chữ từ tạp chí đã trở nên sinh động và ngày càng thấm sâu trong đời

sống văn hóa tinh thần của người Việt.

3.1.2. Những đóng góp của Phạm Quỳnh về ngôn ngữ thông qua Nam Phong Tạp chí

Tân tạo hệ thống thuật ngữ chính trị - xã hội Hán - Việt và Việt hóa các khái niệm triết học Tây phương

Đóng góp trực quan và có sức ảnh hưởng lâu bền nhất của Phạm Quỳnh trên Nam Phong tạp chí chính là việc mở rộng quy mô từ vựng, đặc biệt là hệ thống thuật ngữ trừu tượng thuộc lĩnh vực chính trị, triết học, khoa học. Những bài khảo cứu, dịch thuật của ông trên Nam Phong đã chứng minh rằng tiếng Việt hoàn toàn có đủ khả năng diễn đạt những tư tưởng phức tạp, trừu tượng. Ông áp dụng linh hoạt hai phương thức cốt lõi: tân tạo hệ thống từ Hán - Việt mang trường nghĩa mới và Việt hóa các thuật ngữ phương Tây bằng kỹ thuật dịch nghĩa.

Để diễn đạt các tư tưởng lý luận chính trị và học thuật mới từ phương Tây, Phạm Quỳnh không chọn cách thuần Việt hóa một cách khiên cưỡng mà chủ trương khai thác triệt để kho từ vựng Hán - Việt. Theo phân tích của Trần Đình Sử (2012), đặc trưng của từ Hán - Việt là tính khái quát hóa và tôn nghiêm cao, rất phù hợp với phong cách chính luận trên báo chí. Phạm Quỳnh đã mượn các cấu trúc từ Hán - Việt có sẵn hoặc lấy từ các học giả duy tân Trung Quốc (như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi) nhưng gán cho chúng các lớp nghĩa hiện đại, tương đương với các khái niệm đương thời của Pháp (Phạm Thị Ngoạn, 1993).

Bên cạnh việc dùng từ Hán - Việt, Phạm Quỳnh đã đối diện với thách thức dịch thuật các phạm trù triết học, tư tưởng phương Tây - nơi có nhiều khái niệm mà cả tiếng Việt lẫn tiếng Hán đều chưa từng xuất hiện. Phương pháp của ông là "dịch nghĩa để diễn ý" (interpretative translation), thay vì dịch thô từ đối từ (word-by-word). Để người đọc dễ tiếp cận, ông thường sử dụng giải pháp song ngữ: đưa thuật ngữ tiếng Pháp vào ngoặc đơn ngay cạnh từ tiếng Việt do ông đề xuất. Trong khảo luận về "Triết học Bergson", Phạm Quỳnh diễn giải: "Cái biết của lý tính là cái biết từ bề ngoài, xem xét sự vật bằng cách phân tích và quy nạp; trái lại, cái biết của trực giác (intuition) là cái biết từ bên trong, đồng hóa tâm hồn ta với chính cái bản thể của sự vật. Đó là một cái năng lực thần bí mà triết học phương Tây bấy lâu nay bỏ quên, nay nhờ có Bergson mới được khôi phục lại giá trị chân chính trong học giới" (Phạm Quỳnh, 1930, Nam

Phong tạp chí số 150).

Thông qua khảo sát 211 số báo Nam Phong (1917 - 1934) có thể thấy nhiều thuật ngữ được Phạm Quỳnh đưa vào các bài viết, biến chúng thành các từ vựng phổ thông trong đời sống cho đến tận ngày nay. Một số ví dụ tiêu biểu có thể kể đến như:

Nhóm thuật ngữ Triết học và tư duy lý tính: Nhóm từ vựng này được Phạm Quỳnh sử dụng để chuyển tải các học thuyết phương Tây (Descartes, Bergson, Rousseau...) vào học giới Việt Nam.

Thuật ngữ tiếng Việt	Thuật ngữ gốc tiếng Pháp	Phương thức cấu tạo / Chuyển ngữ	Ngữ cảnh xuất hiện tiêu biểu trên Nam Phong
Trực giác	Intuition	Mượn từ Hán - Việt, gán nghĩa triết học hiện đại	Khảo về triết học Bergson (Nam Phong, số 150, 1930)
Lý tính / Lý trí	Raison	Định hình lại từ có sẵn để chỉ tư duy logic	Quốc học và chính trị (Nam Phong, số 165, 19 31)
Bản thể	Substance / Essence	Tân tạo cấu trúc từ ghép Hán - Việt	Khảo về triết học Bergson (Nam Phong, số 150, 1930)
Duy thực	Pragmatisme	Ghép từ Hán - Việt theo cấu trúc dịch nghĩa	Phụ trương Tự vựng (1917) trên tạp chí Nam Phong
Khách quan	Objectif	Hệ thống hóa trường nghĩa đối lập với "Chủ quan"	Văn học bình luận (Nam Phong, số 1, 1917)
Biện chứng	Dialectique	Dịch nghĩa hệ thống lập luận đa chiều	Triết học nước Pháp (Nam Phong, số 8-14, 1918)

Nhóm thuật ngữ Chính trị - Xã hội và tổ chức hành chính: Nhóm thuật ngữ này đặt nền móng cho ngôn ngữ chính luận, xã luận báo chí, giúp định hình tư duy về nhà nước hiện đại cho quốc dân đương thời.

Thuật ngữ tiếng Việt	Thuật ngữ gốc tiếng Pháp	Phương thức cấu tạo / Chuyển ngữ	Ngữ cảnh xuất hiện tiêu biểu trên Nam Phong
Dư luận	Opinion publique	Dịch nghĩa, lược bớt từ để tạo tính cô đọng	Nghĩa vụ nhà làm báo (Nam Phong, số 6, 1917)
Cá nhân chủ nghĩa	Individualisme	Ghép từ biểu ý để dịch cấu trúc đuôi “-isme”	Tây học phê bình (Nam Phong, số 5, 1917)
Dân chủ trị	Démocratie	Dịch gốc từ Démos (Dân) và Kratos (Trị)	Bàn về văn minh học thuật nước Pháp (Nam Phong, số 1, 1917)
Quốc dân	Nation / Citoyens	Tân tạo từ ghép biểu thị khối tài sản công dân	Văn Quốc ngữ (Nam Phong, số 2, 1917)
Công ích	Intérêt công / L'utilité publique	Tạo từ ghép chỉ lợi ích chung của xã hội	Nghĩa vụ nhà làm báo (Nam Phong, số 6, 1917)

Nhóm thuật ngữ Lý luận Văn học và thể loại Báo chí: Hệ thống từ vựng giúp chuyên nghiệp hóa hoạt động phê bình, nghiên cứu và sáng tác trên báo chí.

Thuật ngữ tiếng Việt	Thuật ngữ gốc tiếng Pháp	Phương thức cấu tạo / Chuyển ngữ	Ngữ cảnh xuất hiện tiêu biểu trên Nam Phong
Diễn đàn	Tribune	Chuyển nghĩa từ “nơi giảng giải” sang “nơi tranh luận báo chí”	Nghĩa vụ nhà làm báo (Nam Phong, số 6, 1917)
Thuật tả chân	Réalisme	Dịch diễn ý để chỉ chủ nghĩa hiện thực	Văn học phê bình (Nam Phong, số 1, 1917)
Luận thuyết	Éditorial / Article de fond	Sáng tạo từ mới chỉ thể loại bài viết đỉnh cao của số báo	Đặt ở đầu số báo từ 1917 - 1918
Phê bình	Critique	Chuẩn hóa từ chỉ hoạt động mổ xẻ văn bản	Văn học phê bình (Nam Phong, số 1, 1917)

Cách tân cú pháp, thiết lập cấu trúc câu phức và hệ thống hư từ, liên từ

Thanh Lãng (1967) cho rằng trước Phạm Quỳnh, văn xuôi Quốc ngữ chỉ ở dạng sơ khai (kể chuyện, ghi chép đơn giản). Phạm Quỳnh chính là người đem cấu trúc câu phức, mệnh đề quan hệ và cách tư duy logic của tiếng Pháp để “rèn đúc” ra một ngữ pháp văn xuôi lý luận cho người Việt. Ông xem Nam Phong tạp chí như một bộ bách khoa toàn thư định hình lối văn nghị luận (Bảng lược diễn văn học Việt Nam.1967.Quyển hạ: Ba thế hệ của nền văn học mới).

Phạm Quỳnh là người tiên phong ứng dụng cấu trúc ngữ pháp của tiếng Pháp vào tiếng Việt. Ông đưa hệ thống dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm) vào văn bản một cách nghiêm ngặt để phân định rõ ràng các thành phần trong câu: chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, và các mệnh đề phụ (chỉ nguyên nhân, kết quả, giả thiết). (Nguyễn Văn Trung, 1992). Ví dụ như trong bài Khảo về tiểu thuyết đăng trên Nam Phong tạp chí, số 115, năm 1927, Phạm Quỳnh viết: “Tiểu thuyết là một truyện viết bằng văn xuôi đặt ra để tả tình tự người ta, phong tục xã hội, hay là những sự lạ tích kỳ, đủ làm cho người đọc có hứng thú.” Đoạn trích có cấu trúc câu: Chủ ngữ + Động từ liên kết (“là”) + Thuật ngữ trung tâm + Các mệnh đề phụ bổ nghĩa. Việc sử dụng hệ thống dấu phẩy để ngăn cách các thuộc tính biểu đạt giúp người đọc tiếp nhận khái niệm một cách rõ ràng, không bị mơ hồ.

Qua việc dịch, ông đã ép cấu trúc tiếng Việt phải co giãn, tạo ra các mệnh đề phụ, câu phức hợp để truyền tải trọn vẹn ngữ nghĩa Tây phương mà vẫn giữ được sự uyển chuyển của tiếng mẹ đẻ. Ví dụ như ở mảng kịch nghệ, trong bản dịch vở kịch cổ điển Lôi Xi (Le Cid) của Pierre Corneille, đăng liên tục trên Nam Phong tạp chí, số 31 (tháng 1 năm 1920) và số 32 (tháng 2 năm 1920), Phạm Quỳnh dịch lời thoại của nhân vật Rodrigue: “Sự thù hận thiết cốt này nó làm cho ta đau đớn như xé ruột... Ta phải vì cha mà báo thù, nhưng lại phải vì thế mà làm hại người yêu! Một đằng thì lòng hiếu thúc giục, một đằng thì nghĩa tình dắt lòng; một đằng thì đau lòng vì phụ thân, một đằng thì xót xa vì tình ái...”. Trích đoạn cho thấy ông đã kết hợp tài tình cấu trúc biên ngẫu truyền thống (“Một đằng thì... một đằng thì...”) với tư duy tâm lý phức tạp của kịch tác gia Pháp.

Để liên kết các mệnh đề phức tạp và tạo dựng lập luận đa chiều, Phạm Quỳnh đã thiết lập và định hình tần suất sử dụng cao của hệ thống các hư từ, liên từ mang tính diễn dịch và quy nạp. Tư duy duy lý kiểu Pháp (tính Descartes) đã được ông “bản địa hóa”

bằng những cấu trúc quan hệ từ tiếng Việt rất chặt chẽ. Khảo sát văn bản của ông trên Nam Phong, người đọc có thể nhận thấy các khuôn mẫu cú pháp tạo lập luận được lập đi lập lại như: Phàm là... thì... (quy luật tổng quát); Sở dĩ... là vì... (quan hệ nhân quả); Xét như thế thì... (đúc kết hệ quả); Tuy rằng... nhưng... (đối lập/nhượng bộ). Minh chứng rõ nét cho điều này được thể hiện trong bài luận "Bàn về diễn thuyết", ông lập luận: "**Phàm là** văn diễn thuyết nên tập lối này là hơn cả. Đến văn cao nhã là lối cao thượng hùng hồn, dễ cảm động kích thích người ta; lối này phải cho tự nhiên, **nếu** cố ý làm ra hùng hồn **thời** không hay. Đại để ba lối đó không phải cách biệt nhau, trong một bài có thể gồm cả ba lối được, phải tùy nghi mà tham dụng, cốt là cho hợp với ý hợp với cảnh vậy." (Phạm Quỳnh, 1921, Nam Phong tạp chí số 53).

Thay vì dùng "thì" như hiện nay, Phạm Quỳnh thường dùng "**thời**" để tạo âm hưởng trang trọng và khẳng định tính tất yếu. Ví như cách ông viết: "Tiếng là linh hồn của giống nòi, tiếng có vững **thời** nước mới bền, tiếng có hay **thời** dân mới khôn." (Bài diễn thuyết về Truyện Kiều, Nam Phong tạp chí số 86, 8/1924). Chữ "thời" tạo ra một khoảng lặng ngắn trong câu, làm cho lập luận trở nên chậm rãi, chắc chắn, mang phong thái của một bậc thức giả đang thuyết giảng. Ông hay sử dụng hư từ kết thúc câu "vậy", "thay", "vậy thay" tạo âm hưởng khẳng định như trong câu "Ấy cái chân giá trị của văn chương là ở đó **vậy**." hoặc "Lớn lao **thay** cái công trình của người xưa!" (Pháp du hành trình nhật ký, Nam Phong tạp chí số 58, 1922). Cách đặt câu của Phạm Quỳnh là sự kết hợp giữa tư duy logic Pháp (chặt chẽ, rõ ràng) và tâm hồn Hán Việt (trang trọng, nhịp nhàng). Chính điều này đã giúp báo chí thời đó thoát khỏi lối viết tản mạn để bước sang trang nghị luận chuyên nghiệp.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Những đóng góp về ngôn ngữ định hình phong cách một số thể loại báo chí trên Nam Phong tạp chí

Sự chuyển mình của từ vựng và cú pháp không dừng lại ở cấp độ câu đơn lẻ, mà đã trực tiếp tạo nền tảng để Phạm Quỳnh đưa luận thuyết, dịch thuật, bình luận, du ký thành những thể loại trên mặt báo. Những số đầu Nam Phong gồm có tám mục: luận thuyết, văn học bình luận, triết học bình luận, khoa học bình luận, văn tuyển, tạp trở, thời đàm và cuối cùng là tiểu thuyết. Về sau, tạp chí có thêm những mục như tùng

đàm, hài văn kỳ yếu, tồn danh thần lục, yếu lược về kinh tế.

Mục Luận thuyết là chuyên mục quan trọng, thường xuất hiện ngay các trang đầu trong mỗi kỳ xuất bản của Nam Phong tạp chí. Nội dung chính là bàn chung những vấn đề có liên hệ đến thời thế, nhất là những vấn đề có liên hệ đến riêng dân ta, để cho độc giả trong nước có một quan niệm minh chính về các vấn đề đó. Bình luận là thể loại chiếm ưu thế trên tạp chí Nam Phong. Ít nhất có ba chuyên mục được đặt tên là bình luận: văn học bình luận, triết học bình luận, khoa học bình luận. Các bài bình luận mang tính chất phê bình, phân tích, và bàn luận học thuật, đóng vai trò là chiếc cầu nối giữa Nho học truyền thống và tư tưởng hiện đại phương Tây. Báo chí hiện đại (đặc biệt là thể loại Xã luận, Bình luận) kế thừa lối đặt vấn đề theo kiểu “thổ nạp”, phát huy lối viết nghị luận “mạch lạc, đa chiều” tức là lấy một sự kiện thời sự làm cái cớ để bàn về những giá trị văn hóa, đạo đức sâu xa. Nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn trong cuốn “Cánh bướm và độc hành (Vương Trí Nhàn, 2012) nhận xét: “Lối văn nghị luận đỉnh đạc, coi trọng tính luận lý của Phạm Quỳnh vẫn thấp thoáng trong các cây bút bình luận sắc sảo ngày nay”.

Phạm Quỳnh cũng nâng tầm thể loại dịch thuật trên báo chí bằng một phong cách dịch thuật mang tính kiến tạo ngôn ngữ. “Trên tạp chí Nam phong Phạm Quỳnh cố gắng làm công việc dịch thuật, truyền bá cho công chúng những tinh hoa tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, đồng thời cũng giới thiệu cả những di sản tinh thần của cha ông như đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão, ca dao tục ngữ... cả những áng văn chương cổ điển quý giá mà các cộng sự của ông đã cố gắng chọn lựa và phiên âm ra tiếng Việt trong kho sách của Trường Viễn đông bác cổ” (Nguyễn Huệ Chi, 2014).

Quan điểm Phạm Quỳnh về dịch thuật lúc đó là việc làm nhất cử lưỡng tiện, nó không đơn thuần là sự chuyển ngữ mà chủ yếu là giới thiệu văn hoá, văn minh phương Tây cho dân chúng Việt Nam mấy lâu nay chìm trong bóng tối của sự lạc hậu về mọi phương diện kinh tế, chính trị, giáo dục. “Nam Phong tạp chí nặng về biên khảo dịch thuật và sáng tác văn học, vì vậy đối với văn hóa và văn học dân tộc trong một giai đoạn hơn mười năm, nó đã có những ảnh hưởng không nhỏ. Đây là tờ báo gần như duy nhất trong những năm chuyển tiếp giữa thập kỷ 20 và 30 của thế kỷ XX cung cấp cho bạn đọc Việt Nam những kiến thức về văn chương, triết học, lịch sử, địa lý...phương Đông cũng như phương Tây, một cách hệ thống và liên tục” (Nguyễn

Phương Chi, 2014, Từ điển văn học (Bộ mới), Nhóm Nam Phong).

“Phạm Quỳnh còn mở đường cho một loại văn sau này thành một thời ấy, là loại du kí” (Phạm Thế Ngũ, Việt Nam văn học sử giản ước tân biên, tập 3, Văn học hiện đại 1862 - 1945, Nxb Đồng Tháp 1997). Trên tạp chí này đã xuất hiện một số bài viết có tính chất phóng sự - du ký có giá trị bền vững, được coi là sự mở đầu cho phóng sự hiện đại trong quá trình hiện đại hóa nền văn học nước ta những năm đầu thế kỷ XX: Mười ngày ở Huế (Phạm Quỳnh), Cuộc chơi trăng sông Nhuệ (Mai Khuê), hoặc các phóng sự dài kỳ Một tháng ở Nam Kỳ (Phạm Quỳnh), Hạn mặn du ký (Nguyễn Bá Trác)...Ngày nay, các tờ báo như Tuổi Trẻ, Thanh Niên đã phát triển nó thành các loạt bài phóng sự chuyên sâu, kết hợp giữa mô tả hiện trường và phân tích văn hóa - lịch sử. Loạt bài du ký văn hóa về Trường Sa hay các vùng đất di sản trên báo Thanh Niên thường dùng lối viết giàu cảm xúc nhưng vẫn đầy đủ số liệu khảo cứu, tương tự cách Phạm Quỳnh viết “Mười ngày ở Huế”.

3.2.2. Đóng góp lớn trong tiến trình phát triển chữ Quốc ngữ và làm phong phú tiếng Việt

Đóng góp của Phạm Quỳnh có thể đúc kết qua 3 vai trò lịch sử: Nhà định hình (Người định hình cấu trúc câu văn xuôi nghị luận), Nhà làm giàu (Người bổ sung hàng ngàn thuật ngữ triết học, khoa học, biến tiếng Việt thành ngôn ngữ bác học), Nhà hàn lâm hóa (Người nâng tầm chữ Quốc ngữ từ chỗ là một thứ chữ truyền giáo và ghi chép chuyển dịch thành một nền “Quốc học” độc lập). Trong cuốn “Việt Nam văn học sử yếu” (Dương Quảng Hàm, 1943) ghi nhận một cách khách quan: “Ông có công rất lớn trong việc luyện tập cho tiếng ta có thể diễn dịch được các lý thuyết, các ý tưởng về học thuật, triết học phương Tây... làm cho quốc văn trở nên phong phú vậy”.

Trong quá trình hoàn thiện chữ quốc ngữ, Nam Phong đã góp phần “làm giàu thêm ngôn ngữ nước nhà bằng cách đặt nhiều danh từ mới có liên quan đến triết học, khoa học bằng cách mượn chữ Hán làm hoàn hảo tiếng Việt trong dịch thuật và diễn tả những tư tưởng và học thuyết triết học” (Huỳnh Văn Tòng, 1973). “Phạm Quỳnh đã hết sức du nhập và Việt hóa nhiều khái niệm bắt nguồn từ Hán ngữ và làm cho tiếng Việt phong phú lên rất nhiều. Tiếng Việt qua thời Nam phong có vẻ như đầm lại, pha phách nhiều chữ Hán hơn thời Đông-dương tạp chí, nhưng chính là với trường đào

luyện của Nam phong, nó đã có một bước ngoặt căn bản để đạt đến một hệ từ vựng cao cấp hơn hẳn trước, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa giai đoạn 1932-45, nhất là trong hệ thống ngôn từ học thuật biểu hiện ở các công trình biên khảo nở rộ từ sau năm 1940" (Nguyễn Huệ Chi, 2004).

4. Kết luận

Phạm Quỳnh có đóng góp mang tính bước ngoặt trong việc khai sinh và định hình phong cách chức năng ngôn ngữ báo chí tại Việt Nam. Trước khi Tạp chí Nam Phong ra đời (1917-1934), báo chí Quốc ngữ đa phần sử dụng lối đưa tin mộc mạc, đậm tính khẩu ngữ (ở Nam Kỳ) hoặc lối hành văn chịu ảnh hưởng nặng của từ chương khoa cử (ở Bắc Kỳ). Phạm Quỳnh chính là người thiết lập ra ngôn ngữ chính luận và tiểu luận báo chí chuyên nghiệp. Ngôn ngữ báo chí của Phạm Quỳnh không chỉ dừng lại ở giai đoạn Nam Phong tạp chí mà đã để lại một di sản quan trọng cho báo chí hiện đại. Sự tiếp thu này không phải là sao chép nguyên văn, mà là kế thừa về phương pháp tư duy, cách đặt vấn đề và hệ thống thuật ngữ.

Tóm lại, ngôn ngữ báo chí của Phạm Quỳnh là một di sản vô giá. Ông đã biến tiếng Việt từ một ngôn ngữ bình dân thành một công cụ học thuật sắc bén, đủ sức "thổ nập" tinh hoa của cả hai nền văn minh Đông - Tây. Dù thời đại của Nam Phong đã khép lại, nhưng tinh thần "Luyện tiếng ta cho dồi dào và tinh nhuệ" của Phạm Quỳnh vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay, nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm bảo vệ và làm giàu vốn quý của dân tộc giữa dòng chảy toàn cầu hóa./.

Tài liệu tham khảo

1. Dương Quảng Hàm. (1943). Việt Nam văn học sử yếu, Nha Học chính Đông Pháp xuất bản, Hà Nội.
2. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá chủ biên. (2004). Từ điển Văn học bộ mới, Nhà xuất bản Thế giới.
3. Trần Đình Hượu. (1995). Đến hiện đại từ truyền thống. Nhà xuất bản Văn hóa.
4. Thanh Lăng. (1967). Bảng lược diễn văn học Việt Nam: Chặng đường giao thời. Nhà xuất bản Trình Bầy.
5. Phạm Thị Ngoạn. (1993). Tìm hiểu Tạp chí Nam Phong 1917-1934 (Phạm Trọng Nhân dịch). Ý Việt. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1973 tại Paris dưới tên Introduction au Nam Phong).

6. Phạm Thế Ngũ. (1965). Việt Nam văn học sử giản ước tân biên (Tập 3: Anh hoa hiện đại). Quốc học Tùng thư.
7. Vũ Ngọc Phan. (1942). Nhà văn hiện đại. Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội.
8. Lê Văn Phong. (2012). Sự phổ biến chữ Quốc ngữ trên Đông Dương tạp chí và Nam Phong tạp chí. Tạp chí Xưa và Nay, (413), T.14-17.
9. Phạm Quỳnh. Nam Phong tạp chí (Giai đoạn 1917 - 1934), bản số hoá 211 số báo Nam Phong (gồm cả số Tết 1918).
10. Trần Đình Sử. (2012). Lịch sử văn học Việt Nam: Nhìn từ hiện đại hóa. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11. Hoàng Tiến. (1994). Chữ Quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ 20. Nhà xuất bản Lao Động.
12. Huỳnh Văn Tòng. (1973). Lịch sử báo chí Việt Nam - từ khởi thủy đến 1930, Trí Đăng xuất bản, Sài Gòn.
13. Nguyễn Văn Trung. (1992). Chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc. Nhà xuất bản Nam Sơn.